

## PHỤ LỤC 2

### DANH SÁCH NGÀNH ĐÀO TẠO DÀNH CHO THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THẲNG (theo quy định tại điểm i, khoản 2, Điều 7 của Quy chế tuyển sinh)

(Kèm theo Thông báo số 533/TB-ĐHCT ngày 19 tháng 3 năm 2019  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

#### TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ, Mã Trường: TCT

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Khối bổ sung kiến thức
1	Bảo vệ thực vật	7620112	Khoa học tự nhiên
2	Bệnh học thủy sản	7620302	Khoa học tự nhiên
3	Chăn nuôi	7620105	Khoa học tự nhiên
4	Chính trị học	7310201	Khoa học Xã hội-nhân văn
5	Công nghệ chế biến thủy sản	7540105	Khoa học tự nhiên
6	Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401	Khoa học tự nhiên
7	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	7620113	Khoa học tự nhiên
8	Công nghệ sau thu hoạch	7540104	Khoa học tự nhiên
9	Công nghệ sinh học	7420201	Khoa học tự nhiên
10	Công nghệ thông tin	7480201	Khoa học tự nhiên
11	Công nghệ thực phẩm	7540101	Khoa học tự nhiên
12	Hệ thống thông tin	7480104	Khoa học tự nhiên
13	Hóa học	7440112	Khoa học tự nhiên
14	Hóa dược	7720203	Khoa học tự nhiên
15	Kế toán	7340301	Khoa học tự nhiên
16	Khoa học cây trồng	7620110	Khoa học tự nhiên
17	Khoa học đất	7620103	Khoa học tự nhiên
18	Khoa học máy tính	7480101	Khoa học tự nhiên
19	Khoa học môi trường	7440301	Khoa học tự nhiên
20	Kiểm toán	7340302	Khoa học tự nhiên
21	Kinh doanh quốc tế	7340120	Khoa học tự nhiên
22	Kinh doanh thương mại	7340121	Khoa học tự nhiên
23	Kinh tế	7310101	Khoa học tự nhiên
24	Kinh tế nông nghiệp	7620115	Khoa học tự nhiên
25	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	7850102	Khoa học tự nhiên
26	Kỹ thuật cơ điện tử	7520114	Khoa học tự nhiên
27	Kỹ thuật cơ khí	7520103	Khoa học tự nhiên
28	Kỹ thuật vật liệu	7520309	Khoa học tự nhiên
29	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Khoa học tự nhiên

<b>TT</b>	<b>Ngành đào tạo</b>	<b>Mã ngành</b>	<b>Khối bổ sung kiến thức</b>
30	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	7580202	Khoa học tự nhiên
31	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7580205	Khoa học tự nhiên
32	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207	Khoa học tự nhiên
33	Kỹ thuật điện	7520201	Khoa học tự nhiên
34	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216	Khoa học tự nhiên
35	Kỹ thuật máy tính	7480106	Khoa học tự nhiên
36	Kỹ thuật môi trường	7520320	Khoa học tự nhiên
37	Kỹ thuật phần mềm	7480103	Khoa học tự nhiên
38	Kỹ thuật tài nguyên nước	7580212	Khoa học tự nhiên
39	Luật	7380101	Khoa học Xã hội-nhân văn
40	Marketing	7340115	Khoa học tự nhiên
41	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	7480102	Khoa học tự nhiên
42	Ngôn ngữ Anh	7220201	Khoa học Xã hội-nhân văn
43	Ngôn ngữ Pháp	7220203	Khoa học Xã hội-nhân văn
44	Nông học	7620109	Khoa học tự nhiên
45	Nuôi trồng thủy sản	7620301	Khoa học tự nhiên
46	Phát triển nông thôn	7620116	Khoa học tự nhiên
47	Quản lý công nghiệp	7510601	Khoa học tự nhiên
48	Quản lý đất đai	7850103	Khoa học tự nhiên
49	Quản lý thủy sản	7620305	Khoa học tự nhiên
50	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	Khoa học tự nhiên
51	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Khoa học tự nhiên
52	Quản trị kinh doanh	7340101	Khoa học tự nhiên
53	Sinh học	7420101	Khoa học tự nhiên
54	Sinh học ứng dụng	7420203	Khoa học tự nhiên
55	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Khoa học tự nhiên
56	Thông tin – thư viện	7320201	Khoa học Xã hội-nhân văn
57	Thú y	7640101	Khoa học tự nhiên
58	Toán ứng dụng	7460112	Khoa học tự nhiên
59	Triết học	7229001	Khoa học Xã hội-nhân văn
60	Văn học	7229030	Khoa học Xã hội-nhân văn
61	Vật lý kỹ thuật	7520401	Khoa học tự nhiên
62	Việt Nam học ( <i>Hướng dẫn viên du lịch</i> )	7310630	Khoa học Xã hội-nhân văn
63	Xã hội học	7310301	Khoa học Xã hội-nhân văn

**Ghi chú: các môn học theo khối bổ sung kiến thức**

- Khối khoa học tự nhiên: Toán, Lý, Hóa, Sinh, Tin học
- Khối khoa học xã hội – nhân văn: Văn, Sử, Địa, tiếng Anh, Tin học